TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm G – sinh năm 1993, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Một Cam R – sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm G như sau:

Bà và ông Một Cam R tổ chức đám cưới vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2015, thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G vào ngày 27/02/2015.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Một Cam R mê bắn cá, mê game không quan tâm vợ con, khi bà bị bệnh ông R cũng không quan tâm mà cho rằng bà giả bộ nên vợ chồng cự cãi, bà quyết định bỏ về nhà cha mẹ ruột sống sau đó bà đi làm ở Bình Thuận với cha mẹ ruột bà và vợ chồng bà đã sống ly thân từ đó đến nay được hơn 07 tháng. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương ông Một Cam R nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Một Cam R.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Một Thị Diễm M1 - sinh ngày 27/9/2012 và Một Bảo A – sinh ngày 05/10/2016, hiện nay chồng bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Một Cam R.

Về con chung: Hiện các con chung của vợ chồng bà đang sống yên ổn cùng ông Một Cam R nên bà quyết định để ông R tiếp tục nuôi dưỡng, hơn nữa bản thân bà cũng không có điều kiện nuôi con nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Một Cam R đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Một Cam R không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Một Cam R.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Phạm Thị Cẩm G được ly hôn với ông Một Cam R. Về con chung, các cháu Một Thị Diễm M1 - sinh ngày 27/9/2012 và Một Bảo An – sinh ngày 05/10/2016 hiện do ông Một Cam R nuôi dưỡng, các đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phạm Thị Cẩm G và ông Một Cam R là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Một Cam R là bị đơn trong vụ án, ông Một Cam R có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Một Cam R vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Một Cam R vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Một Cam R.

Bà Phạm Thị Cẩm G có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Phạm Thị Cẩm G không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Cẩm G.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm G và ông Một Cam R cưới nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28/2015, ngày 27/02/2015, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Phạm Thị Cẩm G và ông Một Cam R là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Phạm Thị Cẩm G và ông Một Cam R là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà đã sống hạnh phúc được khoảng 04 năm nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Phạm Thị Cẩm G cho rằng do ông Một Cam R mê bắn cá, mê game không quan tâm vợ con, khi bà bị bệnh ông R cũng không quan tâm mà cho rằng bà giả bộ nên vợ chồng cự cãi, bà quyết định bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng bà đã sống ly thân từ đó đến nay được hơn 07 tháng. Trong thời gian ly thân, ông Một Cam R không còn liên lạc với bà và cũng không cho bà liên lạc với các con. Ngày 12/6/2024 và ngày 01/7/2024, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Một Cam R vắng mặt và bà Phạm Thị Cẩm G cương quyết ly hôn với ông Một Cam R. Xét thấy, vợ chồng bà Phạm Thị Cẩm G và ông Một Cam R đã sống ly thân với nhau, trong thời gian này, ông Một Cam R và bà Phạm Thị Cẩm G không tìm được tiếng nói chung và không còn xuyên liên lạc với nhau. Khi Tòa án mời ông Một Cam R đến Tòa án để

hòa giải, động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Một Cam R không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Phạm Thị Cẩm G cương quyết xin ly hôn với ông Một Cam R và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Một Cam R, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm G.

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị Cẩm G không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Cẩm G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Phạm Thị Cẩm G phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005934, ngày 23/4/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm G.

Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị Cẩm G và ông Một Cam R được ly hôn với nhau.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm G phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005934, ngày 23/4/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang